



Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

Số: 01 /BB.ĐHĐCD/PVCL.15

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG

A. DOANH NGHIỆP:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long
- Trụ sở: Số 02, Lô KTM06, Đường số 6, Khu đô thị 5A, P4, TP.Sóc Trăng, Sóc Trăng
- Giấy ĐKKD và ĐKT số 2200280598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp thay đổi lần 9 ngày 23/4/2014.

B. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long

C. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

- Thời gian: 8h30, ngày 30 tháng 5 năm 2015.
- Địa điểm: tại Hội trường Cty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

D. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

- Hội đồng quản trị thống nhất phân công Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm có:

- | | | |
|--------------------------|----------|------------|
| 1. Ông: Dương Ngọc Đức | Chức vụ: | Trưởng ban |
| 2. Ông: Trần Văn Bửu | Chức vụ: | Thành viên |
| 3. Bà: Trần Thị Mỹ Khanh | Chức vụ: | Thành viên |

- Thay mặt cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Trưởng Ban thẩm tra đã cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông như sau:

+ Tổng số cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long chốt ngày 27 / 4 /2015 là **1.335** cổ đông, sở hữu **25.000.000** cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Tổng số cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 30/ 5 /2015 là **115** cổ đông, sở hữu **16.516.930** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ **66,07 %** / tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ khoản 1 Điều 102 của Luật Doanh Nghiệp: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long đã hội đủ điều kiện để tiến hành.

E. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 có **115** cổ đông và người được cổ đông ủy quyền của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long tham dự, chiếm **66,07 %** /tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Toàn thể thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các khách mời.

I. Thành phần Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- | | |
|----------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Triệu Dũng | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Hoàng Phương | - Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Dương Thế Nghiêm | - Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Trương Văn Phước | - Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Đình Thái | - Thành viên HĐQT |

II. Thành phần Ban kiểm soát đương nhiệm :

- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| 1. Ông: Dương Ngọc Đức | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Ông: Trần Văn Bửu | - Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. Bà: Trần Thị Mỹ Khanh | - Thành viên Ban kiểm soát |

F. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Thông qua Chủ tịch đoàn, Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu;
- Thông qua Chương trình đại hội, Quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2014;
- Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2014 và Kế hoạch năm 2015;
- Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát năm 2014;
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 và Báo cáo Tài chính Quý I năm 2015;
- Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 và kế hoạch năm 2015;
- Thông qua tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ;
- Thông qua Báo cáo kết quả chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và kế hoạch năm 2015;
- Thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015;
- Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014;
- Thông qua Tờ trình về việc chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc;
- Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

G. TÓM TẮT DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:

I. Thông qua Chủ tịch đoàn, Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình làm việc, Quy chế làm việc, Thể lệ biểu quyết tại đại hội.

1/ Thông qua đề xuất của HĐQT về Chủ tịch đoàn, Chủ tọa gồm các Ông, Bà có tên sau:

- | | | |
|-----------------------------|--------------------------|--------------|
| 1. Ông: Nguyễn Triệu Dũng | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| 2. Ông: Nguyễn Hoàng Phương | - Chức vụ: TV.HĐQT | - Thành viên |
| 3. Ông: Dương Thế Nghiêm | - Chức vụ: TV.HĐQT | - Thành viên |

4. Ông: Trương Văn Phước - Chức vụ: TV.HĐQT - Thành viên
 5. Ông: Nguyễn Đình Thái - Chức vụ: TV.HĐQT - Thành viên

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Phiếu biểu quyết** với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý : **100 %**
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết không đồng ý : **0 %**
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết có ý kiến khác : **0 %**

=> Kết luận: với tỷ lệ đồng ý **100 %**, Đại hội đã nhất trí thông qua.

2. Thông qua đề xuất của Chủ tịch đoàn về Ban Thư ký gồm các Ông, Bà có tên sau:

1. Ông: Nguyễn Văn Triết - Chức vụ: Trưởng P.Kinh doanh - Trưởng ban
 2. Cô: Lê Anh Diệu - Chức vụ: NV. P.Kinh doanh - Thành viên
 3. Bà: Trần Thị Bạch Tuyết - Chức vụ: NV. P.Kinh doanh - Thành viên

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Phiếu biểu quyết** với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý : **100 %**
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết không đồng ý : **0 %**
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết có ý kiến khác : **0 %**

=> Kết luận: với tỷ lệ đồng ý **100 %**, Đại hội đã nhất trí thông qua.

3. Thông qua đề xuất Chủ tịch đoàn về Ban Kiểm phiếu gồm các Ông, Bà có tên sau:

1. Bà: Bùi Thị Kim Ngân - Chức vụ: Kế toán trưởng - Trưởng ban
 2. Bà: Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm - Chức vụ: Phó P.Kế toán - Thành viên
 3. Bà: Trần Thị Kiều Trang - Chức vụ: NV.P.Kế toán - Thành viên

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Phiếu biểu quyết** với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý : **100 %**
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết không đồng ý : **0 %**
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết có ý kiến khác : **0 %**

=> Kết luận: với tỷ lệ đồng ý **100 %**, Đại hội đã nhất trí thông qua.

4. Thông qua đề xuất của Ban tổ chức về Chương trình làm việc:

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Phiếu biểu quyết** với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý : **100 %**
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết không đồng ý : **0 %**
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết có ý kiến khác : **0 %**

=> Kết luận: với tỷ lệ đồng ý **100 %**, Đại hội đã nhất trí thông qua.

5. Thông qua đề xuất của Chủ tịch đoàn về Quy chế làm việc:

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Phiếu biểu quyết** với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.

- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý : 100 %
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết không đồng ý : 0 %
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết có ý kiến khác : 0 %

=> **Kết luận:** với tỷ lệ đồng ý 100 %, Đại hội đã nhất trí thông qua.

6. Thông qua đề xuất của Ban kiểm phiếu về Thẻ lệ biểu quyết:

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Phiếu biểu quyết** với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý : 100 %
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết không đồng ý : 0 %
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết có ý kiến khác : 0 %

=> **Kết luận:** với tỷ lệ đồng ý 100 %, Đại hội đã nhất trí thông qua.

II. THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI NHƯ SAU:

Thứ 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT.

Đại diện Hội đồng Quản trị đã báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2014

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 01**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : 16.516.930 cổ phần, đạt tỷ lệ : 100 %
- Số phiếu không nhất trí :0 cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %
- Số phiếu có ý kiến khác : 0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí 100 %, báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2014 đã được Đại hội thông qua.

Thứ 2: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2014 và phương hướng năm 2015.

Đại diện Hội đồng Quản trị đã báo cáo kết quả SXKD năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 02**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : 16.516.930 cổ phần, đạt tỷ lệ : 100 %
- Số phiếu không nhất trí : ...0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %
- Số phiếu có ý kiến khác : ... 0 cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí 100 %, báo cáo báo cáo kết quả SXKD năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015, đã được Đại hội thông qua.

Thứ 3: Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát năm 2014

Đại diện Ban kiểm soát đã báo cáo thẩm tra của Ban Kiểm soát năm 2014.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 03**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : 16.516.930 cổ phần, đạt tỷ lệ : 100 %
- Số phiếu không nhất trí :0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %
- Số phiếu có ý kiến khác : 0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí 100 %, báo cáo thẩm tra của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2014 được Đại hội thông qua.

Thứ 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý I năm 2015.

Đại diện Ban kiểm soát đã báo cáo tài chính năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý I năm 2015.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 04**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : **16.516.930** cổ phần, đạt tỷ lệ : **100 %**
- Số phiếu không nhất trí :**0**..... cổ phần, đạt tỷ lệ : **0 %**
- Số phiếu có ý kiến khác : **0**.....cổ phần, đạt tỷ lệ : **0 %**

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí **100 %**, báo cáo tài chính năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý I năm 2015 được Đại hội thông qua.

Thứ 5: Thông qua Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận 2014 và kế hoạch 2015

Đại diện Hội đồng Quản trị đã thông qua Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận 2014 và Kế hoạch 2015

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 05**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : **16.516.930** cổ phần, đạt tỷ lệ : **100 %**
- Số phiếu không nhất trí :**0**..... cổ phần, đạt tỷ lệ : **0 %**
- Số phiếu có ý kiến khác : **0**..... cổ phần, đạt tỷ lệ : **0 %**

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí **100 %**, Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận 2014 và Kế hoạch 2015 được Đại hội thông qua.

Thứ 6: Thông qua Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ.

Đại diện Hội đồng Quản trị đã thông qua Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 06**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : **16.514.930** cổ phần, đạt tỷ lệ : **99,992 %**
- Số phiếu không nhất trí :**0**..... cổ phần, đạt tỷ lệ : **0 %**
- Số phiếu có ý kiến khác : **2.000** cổ phần, đạt tỷ lệ : **0,008 %**

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí **99,992 %**, Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ, đã được Đại hội thông qua.

Thứ 7: Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và kế hoạch 2015.

Đại diện HĐQT đã trình bày Tờ trình của HĐQT về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và kế hoạch 2015.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 07**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: **16.516.930** cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : **16.516.930** cổ phần, đạt tỷ lệ : **100 %**
- Số phiếu không nhất trí :**0**..... cổ phần, đạt tỷ lệ : **0 %**
- Số phiếu có ý kiến khác : **0**..... cổ phần, đạt tỷ lệ : **0 %**

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí **100 %**, Tờ trình của HĐQT về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và kế hoạch 2015, đã được Đại hội thông qua.

Thứ 8: Thông qua Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2015.

Đại diện Ban kiểm soát đã trình bày Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2015.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 08**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : 16.516.930 cổ phần, đạt tỷ lệ : 100 %
- Số phiếu không nhất trí :0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %
- Số phiếu có ý kiến khác :0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí 100 % Tờ trình của Ban kiểm soát về việc chọn Đơn vị kiểm toán BCTC công ty năm 2015 được thông qua.

Thứ 9: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2014 và phù hợp với các quyết định của ĐHĐCĐTN năm 2015.

Đại diện HĐQT đã trình bày Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2014 và phù hợp với các quyết định của ĐHĐCĐTN năm 2015 Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 09**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : 16.516.930 cổ phần, đạt tỷ lệ : 100 %
- Số phiếu không nhất trí :0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %
- Số phiếu có ý kiến khác :0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí 100 % Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2014 và phù hợp với các quyết định của ĐHĐCĐTN năm 2015, được thông qua.

Thứ 10: Thông qua Tờ trình của HĐQT về chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty.

Đại diện Hội đồng Quản trị đã trình bày Tờ trình của HĐQT về việc chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Thẻ biểu quyết số 7**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Số phiếu nhất trí : 16.516.930 cổ phần, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số phiếu không nhất trí :0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %
- Số phiếu có ý kiến khác :0..... cổ phần, đạt tỷ lệ : 0 %

=> **Kết luận:** Với tỉ lệ nhất trí 100 %, Tờ trình của HĐQT về chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty được thông qua.

Thứ 11: Thông qua đề xuất ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Phiếu biểu quyết**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý : 100 %
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết không đồng ý : %
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết có ý kiến khác : %

=> **Kết luận:** Với tỷ lệ đồng ý 100 %, Đại hội đã nhất trí thông qua

Thứ 12: Đại hội thông qua Biên bản cuộc họp do Trưởng Ban Thư ký Đại hội thông qua và Bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 do đại diện Chủ tịch đoàn trình bày trước Đại hội.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thông qua **Phiếu biểu quyết**, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội: 16.516.930 cổ phần.
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý : 100 %
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết không đồng ý : 0 %

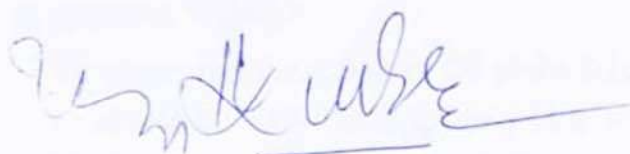
- Tỷ lệ cổ phần biểu quyết có ý kiến khác : 0 %

=> Kết luận: Với tỷ lệ đồng ý 100 %, Đại hội đã nhất trí thông qua Biên bản cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015.

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại toàn bộ, trung thực nội dung Đại hội và được đọc trước toàn thể Đại hội.

Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 35 phút cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ
Trưởng ban



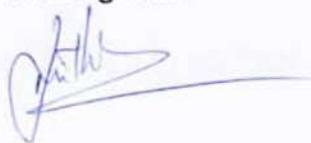
Nguyễn Văn Triết

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2015
Chủ tọa Đại hội



Nguyễn Triệu Dũng

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Dương Ngọc Đức





Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

Số: 01 /NQ.ĐHĐCĐ/PVCL.15

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long ngày 30/5/2015.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, được tổ chức tại Hội trường Công ty địa chỉ: Số 02, lô KTM 06, đường số 6, Khu Đô thị 5A, phường 4, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 30/5/2015 với: **115** cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho: **16.516.930** cổ phần, bằng **66,07** % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2014 và Kế hoạch năm 2015.

- *Biểu quyết tán thành: 16.516.930 cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: 100 % số cổ phần dự họp.*

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014:

+ Tổng doanh thu	:	39.335.675.205 đồng.
+ Lợi nhuận trước thuế	:	2.717.045.556 đồng.
+ Lợi nhuận sau thuế	:	2.192.979.433 đồng.
+ Tỷ suất LNST/Doanh thu	:	5,56 %

- Các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch chủ yếu năm 2015:

+ Tổng doanh thu	:	85.000.000.000 đồng.
+ Lợi nhuận sau thuế	:	10.200.000.000 đồng.
+ Tỷ suất LNST/Doanh thu	:	12 %.

- *Biểu quyết tán thành: 16.516.930 cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: 100 % số cổ phần dự họp.*

Điều 3: Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2014 và kế hoạch năm 2015.

- Biểu quyết tán thành: **16.516.930** cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: **100 %** số cổ phần dự họp.

Điều 4: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính của Công ty năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý I năm 2015 đã kiểm toán.

- Biểu quyết tán thành: **16.516.930** cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: **100 %** số cổ phần dự họp.

Điều 5: Thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 và kế hoạch năm 2015.

❖ Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 như sau:

KHOẢN MỤC	SỐ TIỀN (VNĐ)
Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014	2.192.979.433
Tổng trích lập các quỹ năm 2014	438.595.884
- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển 10%	219.297.942
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi 10%	219.297.942
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ năm 2014	1.754.383.549
Lợi nhuận sau thuế các năm trước chưa phân phối hết	16.364.687.182
Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế còn lại để chi trả cổ tức	18.119.070.731
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2014	250.000.000.000
- Chi trả cổ tức (bằng phát hành cổ phiếu)	12.500.000.000
Lợi nhuận còn lại sau phân phối các quỹ và chi trả cổ tức	5.619.070.731

❖ Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ và chi trả cổ tức: giữ lại lũy kế vào lợi nhuận năm 2015.

❖ **Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 như sau:**

KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH
- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	10%/lợi nhuận sau thuế
- Trích lập quỹ khen thưởng	5%/lợi nhuận sau thuế
- Trích lập quỹ phúc lợi	5%/lợi nhuận sau thuế
- Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức	10%/vốn điều lệ

- Biểu quyết tán thành: **16.516.930** cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: **100 %** số cổ phần dự họp.

2200
CỔ
CỔ
TƯ
ĐỒ TH
CỨ
TR

Điều 6: Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ.

- Biểu quyết tán thành: 16.514.930 cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: 99,99 % số cổ phần dự họp.

Điều 7: Thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về Báo cáo kết quả chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2014 và kế hoạch năm 2015.

❖ **Tình hình chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2014 như sau:**

- Tổng số tiền Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2014 với tổng số tiền là 636.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Hội đồng quản trị:

Thời gian	Hội đồng quản trị có	Thù lao năm 2014 (đ)
Từ 01/01/2014-31/12/2014	1 Chủ tịch + 4 Thành viên	456.000.000

+ Ban Kiểm soát:

Thời gian	Ban Kiểm soát có	Thù lao năm 2014 (đ)
Từ 01/01/2014-31/12/2014	1 Trưởng ban+2Thành viên	180.000.000

❖ **Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015 như sau:**

STT	Chức danh	Tiền thù lao/ 01 tháng	Tiền thù lao/ 12 tháng
I. Hội đồng quản trị: Gồm 05 thành viên		38.000.000	456.000.000
01	01 Chủ tịch	10.000.000	120.000.000
02	04 Thành viên (mỗi thành viên 07 Tr.đ/tháng)	28.000.000	336.000.000
II. Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên		15.000.000	180.000.000
01	01 Trưởng ban	7.000.000	84.000.000
02	02 Thành viên (mỗi thành viên 04 Tr.đ/tháng)	8.000.000	96.000.000
Tổng cộng		53.000.000	636.000.000

- Biểu quyết tán thành: 16.516.930 cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: 100 % số cổ phần dự họp.

Điều 8: Thông qua Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2015.

- Biểu quyết tán thành: 16.516.930 cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: 100 % số cổ phần dự họp.

Điều 9: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2014 và phù hợp với các quyết định của ĐHĐCĐTN năm 2015 thông qua.

- Biểu quyết tán thành: 16.516.930 cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: 100 % số cổ phần dự họp.

280596
IG TY
PHÂN
PHÁT TR
DẦU KH
LONG
T. T. S

Điều 10: Thông qua Tờ trình của HĐQT về chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty năm 2015.

- Biểu quyết tán thành: 16.516.930 cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: 100 % số cổ phần dự họp.

Điều 11: Thông qua việc ủy quyền lại cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 nhất trí thông qua một cách triệt để và hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Biểu quyết tán thành: 16.516.930 cổ phiếu; Đạt tỷ lệ: 100 % số cổ phần dự họp.

Điều 12: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100 % và có hiệu lực kể từ ngày 30 / 5 /2015.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- UBCK/SGDCK/TTLKCK;
- Thành viên HĐQT/BKS/BGD;
- Website Công ty CBTT
- Lưu Thư ký HĐQT

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Triệu Đồng





BÁO CÁO THẨM TRA CỦA BAN KIỂM SOÁT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2014

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015)

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Ban kiểm soát xin báo cáo trình Đại hội Đồng cổ đông về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2014 như sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2014

- Căn cứ báo cáo kiểm toán số: 172/BCKT/TC ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam về việc báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 ở Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, với ý kiến kiểm toán viên chấp thuận toàn phần.
- Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long năm 2014 như sau :

1. Tình hình cân đối tài chính năm 2014:

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2014
A. Tài sản		
I. Tài sản ngắn hạn	480.515.435.660	450.065.058.559
Trong đó: Hàng tồn kho	420.658.196.588	394.467.557.523
II. Tài sản dài hạn	70.694.821.498	81.670.121.590
TỔNG TÀI SẢN	551.210.257.158	531.735.180.149
B. Nguồn vốn		
I. Nợ phải trả	273.783.620.260	256.282.224.742
1. Nợ ngắn hạn	138.277.256.888	134.823.764.883
2. Nợ dài hạn	135.506.363.372	121.458.459.859
II. Vốn chủ sở hữu	277.426.636.898	275.452.955.407
1. Vốn chủ sở hữu	277.426.636.898	275.452.955.407
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
- Các quỹ	9.307.566.167	9.088.268.225
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.119.070.731	16.364.687.182
2. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	0	0
TỔNG NGUỒN VỐN	551.210.257.158	531.735.180.149

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	So với Kế hoạch	So với năm 2013
1. Tổng doanh thu thuần	36.922.721.700	43,44%	82,43%
2. Tổng chi phí	34.088.631.433		
3. Lợi nhuận từ HĐSXKD	2.834.090.267		
4. Lợi nhuận khác	(117.044.711)		
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	2.717.045.556		
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp	524.066.123		
7. Lợi nhuận sau thuế	2.192.979.433	21,49%	103,26%
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	88		

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2014:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1. Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	87,18%	84,64%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	12,82%	15,36%
2. Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	49,67%	48,20%
Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	50,33%	51,80%
3. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh	0,43 lần	0,41 lần
Khả năng thanh toán hiện hành	3,48 lần	3,34 lần
4. Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,40%	0,40%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5,94%	4,74%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,79%	0,77%

Nhận xét đánh giá tình hình tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kết quả kinh doanh năm 2014, Công ty không đạt được chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao cho. Qua phân tích đánh giá tình hình thực tế, Ban kiểm soát nhận thấy các nguyên nhân sau:

- Thị trường bất động sản đóng băng trong thời gian dài, các chính sách hỗ trợ chưa triển khai thực hiện quyết liệt nên thị trường bất động sản chưa khởi sắc trong năm 2014;
- Sản phẩm khu đô thị 5A được phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình và thấp, chủ yếu phục vụ cho khách hàng tại địa phương. Trong năm qua tình hình kinh tế tỉnh nhà còn nhiều khó khăn, thu nhập không ổn định, khó khăn trong tiếp cận nguồn tín dụng, cơ chế chính sách

thực hiện gói tín dụng nhà ở 30.000 tỷ đồng chưa thông thoáng, tạo lực cản lớn trong tiêu thụ sản phẩm là bất động sản;

- Nguồn thu nhập chính của người dân tỉnh Sóc Trăng từ nuôi trồng thủy sản, Sóc Trăng là tỉnh có sản lượng tôm nguyên liệu lớn nhất cả nước. Năm qua dịch bệnh ở tôm chưa được kiểm soát tốt nên năng suất nuôi không cao. Đồng thời nguồn nguyên liệu bị cạnh tranh về giá bởi các nước có diện tích nuôi tôm lớn như Ấn Độ, Thái Lan,... Đó là nguyên nhân lớn nhất giảm cầu trong quá trình tiêu thụ sản phẩm của đô thị 5a.

Chính những nguyên nhân trên, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu Khí Cửu Long không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, được đại hội đồng cổ đông giao cho.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC:

1. Tình hình thực hiện pháp luật Nhà Nước

- Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tốt các chính sách về thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà Nước.
- Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp, Cụ thể: Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong vòng 10 năm (từ năm 2008-2017) và miễn 02 năm thuế TNDN phải nộp (2008-2009) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 06 năm kế tiếp (2010-2015) trừ phần thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Trong năm 2014, Công ty thực hiện tốt công bố thông tin theo quy định của UBCKNN về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của công ty niêm yết.

2. Tình hình thực hiện các quy định chung của công ty

Tình hình nhân sự:

- Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2014 là 60 người, công ty thực hiện đầy đủ việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thanh toán đầy đủ trợ cấp cho người lao động theo quy định.
- Lương bình quân năm 2014 toàn công ty là 4.500.000 đồng/người/tháng, tương đương năm 2013.
- Về tiền thưởng: Năm 2014 toàn bộ công nhân viên công ty được thưởng một tháng lương, và thưởng đột xuất cho cán bộ công nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm.

Tình hình công nợ:

Tình hình công nợ phải thu ngắn hạn và dài hạn của công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 68,76 tỷ đồng, phần lớn là nợ phải thu từ khách hàng mua nhà được Ban tổng giám đốc xây dựng chiến lược bán hàng linh hoạt, trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn như hiện nay. Tất cả các khoản nợ trên đều được khách hàng xác nhận, công ty kiểm soát tốt tình hình công nợ.

Thủ tục kiểm soát về nghiệp vụ:

Phòng kế toán công ty thực hiện đều đặn kiểm tra quy trình, thủ tục. Mọi nghiệp vụ phát sinh được ghi chép đầy đủ trên sổ sách kế toán công ty.

III. TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA CTY:

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị công ty gồm có 5 thành viên, các thành viên thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời theo phương thức vì lợi ích cao nhất của công ty và Cổ đông.
- Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị công ty tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường để đánh giá và giải quyết các vấn đề có liên quan tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong điều hành doanh nghiệp tuân thủ pháp luật Nhà Nước, Điều lệ công ty và các nghị quyết đã ban hành, như:
 - + Xem xét và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2014;
 - + Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh đúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014;
 - + Xem xét và thông qua phương án hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua;
 - + Xem xét và thông qua các phương án vay vốn nhằm bổ sung thêm vào nguồn vốn kinh doanh để đầu tư xây dựng các dự án của Công ty;
 - + Chỉ đạo ban điều hành và bộ phận công bố thông tin công bố kịp thời các sự kiện xảy ra ở công ty theo quy định.

Qua xem xét các biên bản cuộc họp và quá trình điều hành của HĐQT, Ban kiểm soát nhận thấy các quyết định của HĐQT đều hướng đến mục đích chung là mang lại lợi ích cho Công ty, đảm bảo vai trò định hướng phát triển của công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ Pháp luật Nhà Nước.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc điều hành:

Ban Giám đốc điều hành có 3 thành viên, đứng đầu là Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Giám đốc triển khai thực hiện tốt các quyết định của HĐQT, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm qua, Ban giám đốc điều hành thực hiện rất tốt trong kế hoạch phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh dự án khu phố chợ Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Sóc Trăng. Góp phần nâng cao diện mạo mới cho thành phố và đưa thương hiệu công ty ngày càng vươn xa.

Ban điều hành công ty thực thi chính sách điều hành sản xuất kinh doanh tuân thủ quy chế quản trị, điều lệ công ty và tuân thủ pháp luật Nhà nước.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động năm 2014

- Ban kiểm soát của công ty có 3 thành viên, nhiệm kỳ 2012 - 2016, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ mỗi quý Ban kiểm soát họp một lần để xem xét và đánh giá hoạt động kinh doanh và điều hành Công ty.
- Trong năm 2014, Ban kiểm soát được tiếp cận đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát cử thành viên tham gia một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị nhằm nắm bắt thông tin kịp thời trong một số phiên họp quan trọng liên quan đến triển khai đầu tư dự án và kiểm soát hệ thống hoạt động.
- Căn cứ hoạt động trong năm 2014, Ban kiểm soát chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong Điều lệ của Công ty và không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại nào từ Cổ đông có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Định hướng Kế hoạch hoạt động năm 2015

- Ban kiểm soát tiếp tục thiện hiện vai trò của mình trong mọi hoạt động của công ty theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại điều lệ hoạt động của công ty.
- Thực hiện công tác kiểm tra giám sát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với ban điều hành công ty. Thực hiện công tác thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm trước khi báo cáo ra thị trường chứng khoán và cổ đông.

- Kiểm tra giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin, đặc biệt là các thông tin về báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị và các thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT và những người có liên quan giao dịch cổ phiếu công ty.

IV. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ:

- Năm 2014 kinh tế nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt đối với thị trường bất động sản chưa có gì khởi sắc. Cho nên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long chỉ hoàn thành 43,44% kế hoạch doanh thu và 21,49% kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy kết quả kinh doanh năm 2014 không đạt được chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, nhưng với kết quả kinh doanh đạt lợi nhuận trên 2 tỷ đồng trong điều kiện thị trường bất động sản đóng băng như hiện nay, đó là nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty.
- Ban kiểm soát đề nghị ban điều hành phát huy hơn nữa vai trò tiên phong trong xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với kế hoạch phát triển Công ty; Từng bước tạo được lòng tin đối với đối tác và khách hàng. Mục tiêu của Công ty là lấy chất lượng làm nền tảng để tạo bước phát triển mạnh mẽ và bền vững cho Công ty, qua đó ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường kinh doanh bất động sản ở địa phương cũng như trong khu vực.
- Những tháng đầu năm 2015, với chính sách tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản. Công ty sẽ được cơ quan chức năng cho phép phân lô bán nền ở một số tiểu dự án. Đây là tin vui cho công ty, đó là dấu hiệu lạc quan cho thị trường bất động sản. Tuy vậy, khó khăn vẫn còn, kinh tế trong nước còn nhiều biến động, đó là thách thức lớn từ thị trường bất động sản, đặt ra những nhiệm vụ hết sức nặng nề cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Thế nhưng, với đội ngũ quản lý đoàn kết, năng động Công ty chúng ta, sẽ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông giao cho.
- Thay mặt Ban kiểm soát, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong suốt một năm qua đã giúp Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc của mình.

Kính thưa Đại hội,

Ban kiểm soát đã báo cáo, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu Khí Cửu Long. Kính trình Đại hội xem xét và thông qua báo cáo đã đệ trình trước Đại hội

Xin trân trọng kính chào!

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 05 năm 2015

TM. Ban kiểm soát Công ty

Trưởng ban

(Đã ký)

DƯƠNG NGỌC ĐỨC



Số: 02/BC.PVCL.15

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO TỔNG KẾT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2014

VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015

PHẦN 1

BÁO CÁO TỔNG KẾT

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2014

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2014, trong bối cảnh kinh tế thế giới chưa thoát khỏi khủng hoảng, kinh tế trong nước còn nhiều biến động, đặc biệt là thị trường bất động sản trầm lắng đóng băng, kinh tế tại địa phương cũng gặp nhiều khó khăn nhất định, chi phí vốn cao, các thủ tục hành chính trong đầu tư và thanh toán vẫn chưa được thông thoáng... Mặc dù gặp nhiều khó khăn thử thách, lãnh đạo công ty và tập thể CBCNV tại đơn vị đã nỗ lực cố gắng, đưa ra nhiều biện pháp linh hoạt phù hợp kịp thời để thực hiện những mục tiêu đã đề ra.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2014

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	Thực hiện		Tỷ lệ
	Năm 2014	Năm 2013	(%)/2013
I. Tổng doanh thu	39.335.675.205	45.448.686.941	86,55%
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	36.922.721.700	44.792.193.956	
Doanh thu hoạt động tài chính	2.203.862.596	311.038.440	
Doanh thu hoạt động khác	209.090.909	345.454.545	
II. Tổng chi phí	36.618.629.649	42.868.831.132	85,42%
Chi phí giá vốn hàng bán	30.008.560.328	38.172.185.369	
Chi phí tài chính	2.203.862.596	311.038.440	
Chi phí bán hàng	182.988.394	299.511.317	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.897.082.711	3.666.165.540	

Chi phí khác	326.135.620	419.930.466	
III. Lợi nhuận trước thuế	2.717.045.556	2.579.855.809	105,32%
IV. Thuế TNDN	524.066.123	456.202.477	
V. Lợi nhuận sau thuế	2.192.979.433	2.123.653.332	103,02%
VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	88	85	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đã thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ so với KH
Tổng Doanh Thu	45.448.686.941	85.000.000.000	39.335.675.205	46,28%
Lợi nhuận trước thuế	2.579.855.809	12.000.000.000	2.717.045.556	
Tỷ suất LN trước thuế /DThu	5,68%	14,12%	6,91%	
Lợi nhuận sau thuế	2.123.653.332	10.200.000.000	2.192.979.433	21,50%
Tỷ suất LNST/ Doanh thu	4,67%	12,00%	5,56%	
Vốn điều lệ	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	100,00%
Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ	0,85%	4,08%	0,88%	

Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch:

Năm 2014 là một năm thực sự khó khăn, nhất là đối với các công ty kinh doanh bất động sản. Với kết quả thực hiện như trên là không đạt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông 2014 phê chuẩn. Sở dĩ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm qua đạt thấp như vậy do các nguyên nhân sau:

- Do tác động trực tiếp từ khủng hoảng kinh tế kéo dài;
- Thị trường bất động sản tại tỉnh Sóc Trăng rất trầm lắng, sức mua của người dân kém, ảnh hưởng đến sản lượng và doanh thu của công ty;
- Tình hình nhân sự của công ty chưa kiện toàn, trình độ chuyên nghiệp chưa cao.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Triệu Dũng	Giám đốc	1960	8.200.000	32,80%
2	Nguyễn Sông Gianh	Phó Giám đốc	1966	2.000	0,01%
3	Dương Thế Nghiêm	Phó Giám đốc	1959	2.000	0,01%
4	Bùi Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng	1978	0	0%

Trong năm, trong Ban điều hành có thay đổi 1 nhân sự: chuyển công tác Kế toán trưởng Lê Phước Sang về làm Giám đốc trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Thăng Long và bổ nhiệm bà Bùi Thị Kim Ngân làm kế toán trưởng thay thế từ ngày 01/4/2014.

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên:

▣ Cơ cấu lao động:

Tổng số lao động đến cuối năm 2014 là 60 người, trong đó có 41 nhân viên chính thức và 19 nhân viên vệ sinh hưởng lương khoán.

Năm	2010	2011	2012	2013	2014
Số lượng nhân sự (người)	94	114	98	63	60

▣ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Stt	Trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỉ lệ
01	Trên đại học, đại học	22	36,67%
02	Trung cấp, tương đương	7	11,67%
03	Công nhân có tay nghề	31	51,66%
	Tổng	60	100%

▣ **Thu nhập:** Thu nhập của người lao động bao gồm lương, thưởng năng suất, thưởng kinh doanh và các khoản thưởng dịp tết, thưởng cuối năm tương đương năm trước.

Năm	2010	2011	2012	2013	2014
Thu nhập trung bình/nhân viên (đ/tháng)	4.000.000	4.000.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000

▣ Các chế độ chính sách với người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

+ Chính sách đào tạo:

Trong năm 2014, Công ty đã cử 13 cán bộ, nhân viên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về: Giám sát thi công xây dựng công trình; Năng lực Marketing và phát triển kinh doanh; Kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng; Kỹ năng quản trị và thu hồi công nợ...

+ Chính sách tiền lương: Công ty đảm bảo mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu nhà nước quy định, đảm bảo đời sống cho người lao động, luôn đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, tạo điều kiện để người lao động phát huy hết khả năng để có mức lương cao hơn.

+ Chính sách thưởng: Công ty áp dụng chi trả tiền phụ cấp, chi tiền lương cho các ngày nghỉ lễ, Tết, tiền thưởng tháng 13.

+ Chính sách trợ cấp:

- Trợ cấp khó khăn tùy theo mức độ;
- Trợ cấp thôi việc theo luật định.

+ Các chính sách khác: Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

100% số lao động sau khi được tuyển dụng, hoàn thành thời gian thử việc theo qui định của Công ty đều được ký kết Hợp đồng lao động và tham gia đầy đủ BHXH, BHYT; riêng đối với những trường hợp sau khi ký HĐLĐ được tròn 01 năm sẽ được mua Bảo hiểm thất nghiệp và được nghỉ phép theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Dự án chủ lực của Công ty là Dự án Phát triển đô thị và tái định cư Khu 5A, có diện tích 110 ha đã được triển khai xây dựng và khai thác kinh doanh từ năm 2008. Đến nay đã đạt được các chỉ tiêu cơ bản như sau:

• Về xây dựng cơ sở hạ tầng DA Khu 5A:

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật thuộc Tiểu dự án 1 và 5 (phần phía nam kênh Nhân Lực) đã xây dựng tương đối hoàn thiện, đang làm thủ tục chuẩn bị bàn giao Nhà nước.

Phần bờ bắc kênh Nhân Lực thuộc tiểu dự án 3, 2 và 4 đã được san lấp và đang chờ tiếp tục thi công một số hạng mục chính.

• Về xây dựng nhà ở:

Trong năm 2014 xây dựng mới trong khu 5A tổng cộng 66 căn, bao gồm:

- Xây 2 dãy nhà trệt LK02 và LK03: 36 căn
- Xây dãy 1 trệt 1 lầu LK12 và LK24: 10 căn
- Xây dãy 1 trệt 2 lầu KTM06: 4 căn
- Biệt thự đơn lập : 3 căn
- và Dân tái định cư xây: 16 căn (gồm 15 căn trệt và 1 căn lầu)

• Các công trình công cộng – thương mại:

- **Khu chợ đầu mối C-TM-02:** Đã đưa vào sử dụng từ đầu năm 2012.
- **2 khu bến bãi BB-02 và BB-03:** Đã xây dựng xong chuẩn bị đưa vào khai thác kinh doanh.
- **Khu nhà hàng (Hải Tượng):** do DNTN đầu tư, đã đưa vào sử dụng một phần nhà hàng ăn uống từ năm 2010. Năm 2012 xây dựng hoàn thiện thêm khu nhà hàng tiệc cưới.
- Ngoài ra đã có các đơn vị tổ chức kinh doanh đến đặt trụ sở văn phòng làm việc và buôn bán tại khu 5A.

• **Về thủ tục pháp lý:** Trong năm 2014, đã hoàn tất hồ sơ và được cấp 169 Giấy Chứng nhận QSD đất ở, nhà ở cho 05 lốc nhà (LK33, LK34, LK35, LK36, LK37 và LK38) và 89 lô nền tái định cư (LK29, Lk 30, LK 31, LK 32), còn 107 hồ sơ không hợp lệ tiếp tục bổ sung hồ sơ (do chưa xác định rõ hộ gia đình hay cá nhân để hoàn thiện cấp giấy chứng nhận theo Quyết định về việc hỗ trợ, di dời và tái định cư để thực hiện dự án do UBND thành phố phê duyệt. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục hoàn thành thủ tục xin tách thửa và cấp giấy chủ quyền đất ở, nhà ở các lốc LK21, LK22, LK24, LK25, LK26, LK09, LK15, LK02, LK03, LK04, KTM06; đồng thời triển khai thực hiện thủ tục xin cấp Giấy Chứng nhận QSD đất của các hộ tái định cư (LK10, LK11, LK14, LK16, LK17, LK18) và các dãy nhà còn lại cho khách hàng. Sau khi được cấp giấy chủ quyền nhà đất, Công ty sẽ thu hồi được 10% tiền nợ nhà đất tạo thêm nguồn vốn phục vụ cho SXKD).

• **Về tiền sử dụng đất** Khu 5A đã nộp đến nay được 211 tỷ đồng, đã được cấp giấy Chứng nhận QSD đất 59,9 ha đất khai thác kinh doanh, số tiền còn lại sẽ được hoàn tất khi được tổng kết đối chiếu diện tích của dự án theo thực tế.

3.2. Các công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính (các chỉ tiêu tài chính của 2 năm liên tiếp và % tăng giảm)

Chỉ tiêu	Thực hiện		Tỷ lệ
	Năm 2014	Năm 2013	(%)/2013
I. Tổng doanh thu	39.335.675.205	45.448.686.941	86,55%
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	36.922.721.700	44.792.193.956	
Doanh thu hoạt động tài chính	2.203.862.596	311.038.440	
Doanh thu hoạt động khác	209.090.909	345.454.545	
II. Tổng chi phí	36.618.629.649	42.868.831.132	85,42%
Chi phí giá vốn hàng bán	30.008.560.328	38.172.185.369	
Chi phí tài chính	2.203.862.596	311.038.440	
Chi phí bán hàng	182.988.394	299.511.317	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.897.082.711	3.666.165.540	
Chi phí khác	326.135.620	419.930.466	
III. Lợi nhuận trước thuế	2.717.045.556	2.579.855.809	105,32%
IV. Thuế TNDN	524.066.123	456.202.477	
V. Lợi nhuận sau thuế	2.192.979.433	2.123.653.332	103,02%
VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	88	85	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,34	3,52	5,47%
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,41	0,44	7,88%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,48	0,49	2,58%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,93	0,98	5,09%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,10	0,07	-25,83%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,08	0,07	-20,12%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,06	26,96%

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,008	0,008	3,90%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,004	0,00	1,41%
+ Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,06	0,08	31,12%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần:	25.000.000
- Loại cổ phần đang lưu hành:	cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	25.000.000
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được tổng hợp theo nhóm cổ đông tính đến ngày 04/03/2015 như sau:

TT	Danh mục	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	% vốn điều lệ	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
						Cá nhân	Tổ chức
1	Trong nước	24.934.900	249.349.000.000	99,74%	1.330	1.327	3
	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên)	4.609.375	46.093.750.000	18,44%	2	2	0
	Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	7.533.560	75.335.600.000	30,13%	12	12	0
	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	12.791.965	127.919.650.000	51,17%	1.316	1.313	3
2	Nước ngoài	65.100	651.000.000	0,26%	5	5	0
	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên)	0	0	0,00%	0	0	0
	Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	0	0	0,00%	0	0	0
	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	65.100	651.000.000	0,26%	5	5	0
Tổng cộng:		25.000.000	250.000.000.000	100,00%	1.335	1.332	3

Danh sách cổ đông lớn, nắm giữ trên 5% vốn cổ phần đến thời điểm 04/03/2015:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng vốn điều lệ (%)
1	Nguyễn Triệu Đông	365271271	Lô ĐD 01.03, KDC Minh Châu, P.7, Sóc Trăng	3.200.000	12,80%

2	Nguyễn Hoàng Phương	365486866	Lô BD 01.03, Khu DC Minh Châu, P.7, Sóc Trăng	1.409.375	5,64%
Tổng cộng				4.609.375	18,44%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

PHẦN 2

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2015

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, căn cứ tình hình phát triển kinh tế chung cũng như tận dụng và khai thác một cách triệt để các nguồn lực hiện có của đơn vị. Ban Giám đốc Công ty đề ra phương hướng SXKD và lập các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 cụ thể như sau:

Mục tiêu năm 2015:

Kiên toàn bộ máy điều hành và quản lý doanh nghiệp, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, nâng cao doanh thu và lợi nhuận.

Phát hành cổ phiếu riêng lẻ nhằm mục đích hoán đổi công nợ (cần trừ công nợ) của các chủ nợ đã cho công ty vay. Đồng thời giúp các chủ nợ của Công ty có thể chuyển hình thức đầu tư bằng cách sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (CCL) và gắn bó lâu dài với công ty.

Nhận định tình hình:

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và tình hình tài chính trong năm 2015 sẽ còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên đây vẫn là một kênh đầu tư chính của công ty.

- Các lĩnh vực khác như xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng sẽ được phát triển song song với kinh doanh bất động sản.

I. Kế hoạch kinh doanh năm 2015:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	(%) tăng(+)/ giảm(-)
Tổng doanh thu	39.335.675.205	85.000.000.000	116,09%
Lợi nhuận trước thuế	2.717.045.556	12.000.000.000	341,66%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	524.066.123	1.800.000.000	240,05%
Lợi nhuận sau thuế	2.192.979.433	10.200.000.000	366,24%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	88	408	

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Giải pháp về kinh doanh: Tập trung trên các mảng chính:

* *Hoạt động kinh doanh bất động sản:*

Phần đầu đạt doanh số 60 tỷ, trong đó chủ yếu khai thác kinh doanh các sản phẩm nhà đất trong Khu đô thị 5A gồm nhà ở xã hội đạt 120 căn tương đương 40 tỷ đồng, các sản phẩm nhà thương mại các loại khác đạt 20 tỷ đồng.

*** Hoạt động kinh doanh thầu xây dựng và vật liệu xây dựng:**

Phần đầu đạt doanh thu 25 tỷ đồng.

2. Nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính.

- Quan hệ với các tổ chức Tài chính, Tín dụng để tài trợ vốn cho việc triển khai đầu tư của Công ty, và hỗ trợ cho khách hàng mua nhà đất tại các dự án của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho các hoạt động đầu tư của Công ty có hiệu quả cao nhất, giảm thiểu tối đa các khoản chi phí.
- Tập trung thu hồi dứt điểm tiền khách hàng còn nợ để đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch và quản lý tài chính, kế hoạch chi phí, kế hoạch vốn và lập báo cáo tài chính theo đúng pháp luật Nhà nước và các quy định của Công ty, tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Tổ chức thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ nhằm mục đích cản trừ công nợ của các chủ nợ đã cho công ty vay.

3. Kiện toàn bộ máy quản lý Doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả:

- Chú ý việc nâng cao năng lực quản trị của bộ máy quản lý và điều hành Công ty.
- Chủ động sắp xếp, bố trí tinh gọn lại nhân sự, chọn lọc nhân sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm của các phòng ban và cá nhân đối với các chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Xây dựng cơ chế quản lý chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng đầu tư.

- Chú trọng thực hiện kiện toàn thủ tục trình tự đầu tư theo đúng các quy chế, quy định về quản lý đầu tư của Nhà nước và của Công ty.
- Lập tiến độ thi công chi tiết các công trình triển khai thi công; Tăng cường công tác giám sát, quản lý đôn đốc các nhà thầu có biện pháp thi công hợp lý đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án và đảm bảo các mục tiêu hoàn thành tiến độ.

5. Tăng cường hoạt động quảng bá sản phẩm, nâng cao thương hiệu.

- Tăng cường quảng bá hình ảnh Công ty và các sản phẩm của Công ty để mở rộng thị trường bằng các phương tiện thông tin hữu hiệu như đài PTTH, pano, catalog, tờ rơi,...
- Tích cực tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư đối với các dự án trong các dự án thành phần thương mại và dịch vụ cao cấp của Khu 5A như siêu thị, nhà hàng,...
- Xây dựng phương án quản lý, vận hành các Khu phố, làm tốt công tác hậu mãi đối với khách hàng...

6. Xây dựng kế hoạch công tác, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện các mục tiêu trọng điểm làm cơ sở đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

- Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch, giao chỉ tiêu KHSXKD gắn liền với các chỉ tiêu Tài chính - kế toán, Lao động - tiền lương để gắn liền trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các phòng ban đối với nhiệm vụ SXKD.
- Tăng cường giám sát thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý làm cơ sở đôn đốc các phòng ban thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

Trên đây là báo cáo sơ kết kết quả hoạt động SXKD năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

Với các kết quả đã đạt được trong năm 2014, cùng với sự lãnh đạo của BGD và Hội đồng quản trị Công ty, sự đồng lòng ủng hộ của toàn thể quý vị, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty CP Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long sẽ vượt qua khó khăn và hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2015 đã đề ra.

Thay mặt Hội Đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, tôi xin chúc toàn thể các Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông hạnh phúc, thành đạt và nhiều sức khỏe.

Xin trân trọng cảm ơn!

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Đã ký)

Nguyễn Triệu Đông



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **(TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2014 và kế hoạch hoạt động năm 2015 như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ HĐQT:

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2012-2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long gồm có 5 thành viên, trong năm 2014 cơ cấu HĐQT như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Triệu Dũng	- Chủ tịch HĐQT - kiêm Giám đốc Cty
2	Ông Dương Thế Nghiêm	- Thành viên HĐQT - Phó GD
3	Ông Nguyễn Hoàng Phương	- Thành viên HĐQT
4	Ông Trương Văn Phước	- Thành viên HĐQT - thành viên độc lập
5	Ông Nguyễn Đình Thái	- Thành viên HĐQT - thành viên độc lập

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2014:

1. Tổ chức các cuộc họp định kỳ để chỉ đạo SXKD:

HĐQT điều hành trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hàng tháng HĐQT đều tổ chức các phiên họp định kỳ để cùng Ban lãnh đạo bàn thảo về kết quả sản xuất kinh doanh, nhận định các thuận lợi khó khăn để đưa ra các giải pháp kịp thời và hợp lý cho các hoạt động kinh doanh của công ty.

Trong năm 2014, HĐQT của Công ty đã ban hành nhiều văn bản các loại gồm nghị quyết, quyết định, biên bản làm việc.... Để chỉ đạo triển khai thực hiện các công tác khác nhau về Tổ chức nhân sự, tiền lương; quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính; đầu tư xây dựng; ban hành quy chế, quy định quản lý nội bộ.... và đưa ra các quyết định chỉ đạo kịp thời, mang lại hiệu quả đầu tư và ổn định phát triển của Công ty.

2. Công tác sản xuất kinh doanh

HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát Ban lãnh đạo Công ty trong việc SXKD. Năm 2014 là năm tiếp tục gặp nhiều khó khăn do nhiều yếu tố khách quan tác động, tình hình nuôi trồng thủy sản trong tỉnh gặp nhiều khó khăn và sản xuất nông nghiệp giá cả không ổn định... làm sụt giảm sức mua của người dân, đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản của công ty, khiến tổng doanh thu và lợi nhuận của năm 2014 cũng không được tăng trưởng nhiều so với năm 2013.

Trong năm 2014, Công ty đã tiếp tục thực hiện việc xây dựng và khai thác kinh doanh các công trình nhà ở của dự án Khu 5A, song song đó đầu tư xây dựng các công trình nhà ở khác nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty. Dự án Khu phố chợ Trung tâm thành phố Sóc Trăng tại khu vực đường Nguyễn Huệ do Công ty đầu tư xây dựng đã được bàn giao sử dụng hoàn tất trong năm 2014.

Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2014 như sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	Thực hiện		Tỷ lệ
	Năm 2014	Năm 2013	(%)/2013
I. Tổng doanh thu	39.335.675.205	45.448.686.941	86,55%
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	36.922.721.700	44.792.193.956	
Doanh thu hoạt động tài chính	2.203.862.596	311.038.440	
Doanh thu hoạt động khác	209.090.909	345.454.545	
II. Tổng chi phí	36.618.629.649	42.868.831.132	85,42%
Chi phí giá vốn hàng bán	30.008.560.328	38.172.185.369	
Chi phí tài chính	2.203.862.596	311.038.440	
Chi phí bán hàng	182.988.394	299.511.317	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.897.082.711	3.666.165.540	
Chi phí khác	326.135.620	419.930.466	
III. Lợi nhuận trước thuế	2.717.045.556	2.579.855.809	105,32%
IV. Thuế TNDN	524.066.123	456.202.477	
V. Lợi nhuận sau thuế	2.192.979.433	2.123.653.332	103,26%
VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	88	85	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đã thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ so với KH
Tổng Doanh Thu	45.448.686.941	85.000.000.000	39.335.675.205	46,28%
Lợi nhuận trước thuế	2.579.855.809	12.000.000.000	2.717.045.556	
Tỷ suất LN trước thuế /DThu	5,68%	14,12%	6,91%	
Lợi nhuận sau thuế	2.123.653.332	10.200.000.000	2.192.979.433	21,50%
Tỷ suất LNST/ Doanh thu	4,67%	12,00%	5,56%	
Vốn điều lệ	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	100,00%
Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ	0,85%	4,08%	0,88%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty. Hoạt động của Ban Kiểm soát, bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty trong năm 2014 cũng được

tăng cường nhằm phát huy vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động của Công ty, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, Nhà nước, của cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động.

Ban Lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2015:

Trên cơ sở kết quả thực hiện trong năm 2014, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ Công ty, HĐQT định hướng một số hoạt động trọng tâm trong năm 2015 như sau:

1. Chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc Công ty thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Cụ thể:

Chỉ tiêu	KH năm 2015
- Tổng doanh thu	85 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	12 tỷ đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	10,2 tỷ đồng
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	408 đồng

2. Phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2015:

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục phát triển theo hướng lấy kinh doanh BĐS làm hướng phát triển trọng tâm; giữ vững uy tín và vị thế của công ty trên địa bàn của tỉnh. Để đạt được mục tiêu này, nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2015 là tiếp tục triển khai xây dựng các công trình thuộc dự án Khu đô thị 5A. Triển khai khu nhà ở xã hội 360 căn và bán nền đất đã hoàn tất cơ sở hạ tầng kỹ thuật, song song tìm hiểu thị trường và tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án mới, lĩnh vực mới. Công ty cũng sẽ tận dụng và phát huy lợi thế cạnh tranh từ khu 5A về vị trí thông thoáng, giá cả cạnh tranh, chất lượng dịch vụ và phong cách phục vụ chuyên nghiệp để duy trì và tạo ấn tượng tốt đẹp về một thương hiệu bất động sản hàng đầu tại tỉnh Sóc Trăng.

Cụ thể, trong năm 2015 Công ty sẽ tiếp tục triển khai các dự án và kế hoạch sau:

- Sắp xếp, bố trí chọn lọc nhân sự thực sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý của bộ máy điều hành công ty, tăng cường công tác kiểm tra giám sát và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban lãnh đạo, đặc biệt trong các công tác triển khai các dự án mới;

- Đẩy mạnh công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, phấn đấu nâng cao doanh thu, lợi nhuận đối với mảng kinh doanh chính là các sản phẩm nhà đất do công ty đầu tư xây dựng. Đặc biệt khai thác tốt các lợi thế của dự án Khu 5A, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, kêu gọi các đối tác đầu tư vào các dự án thành phần, tạo doanh thu tương xứng với hạ tầng cơ sở đã được đầu tư.

- Chỉ đạo Công ty xây dựng chiến lược về vốn, huy động vốn như: Thị trường chứng khoán, liên kết với các Ngân hàng, các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn cho các dự án đang triển khai;

- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;

- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; hàng tháng tổ chức phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Để vượt qua những khó khăn thách thức và hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, HĐQT rất cần nhận được sự tin cậy, ủng hộ tiếp tục của tất cả các Quý cổ đông. HĐQT cũng đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung được trình tại Đại hội lần này.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.

Trân trọng cảm ơn./.

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 05 năm 2015

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Triệu Đông



Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC
(Đính kèm tờ trình Phân phối lợi nhuận số: 01/TTHĐQT.15)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Cty CPĐT & PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Thông tư 130/2012/TT-BTC được bộ tài chính thông qua ngày 10/08/2012;
- Căn cứ Điều lệ Cty CPĐT & PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long;
- Căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, chi tiết phương án phát hành như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Mục đích phát hành:** Tăng vốn điều lệ
5. **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 25.000.000 cổ phiếu
6. **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu
7. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 1.250.000 cổ phiếu
8. **Giá trị cổ phiếu phát hành dự kiến theo mệnh giá:** 12.500.000.000 đồng
9. **Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014
10. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
11. **Nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Báo cáo tài chính năm 2014 đã kiểm toán
12. **Phương thức phân phối:** Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
13. **Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/tổng số cổ phiếu):** 5%

Tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền là **20:1** (Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền, cứ 20 quyền sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành để trả cổ tức).

14. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ hoặc chưa phân phối hết:

- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):** Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 25 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 20:1, số cổ phiếu trả cổ tức được tính là $25 \times 1/20 = 1,25$.

Như vậy, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là 01 cổ phiếu mới, phần thập phân 0,25 sẽ bị hủy bỏ.

- **Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có):** sẽ được ĐHCĐ ủy quyền HĐQT quyết định.

15. Thời gian phát hành dự kiến: Từ Quý 2/2015 đến Quý 4/2015.

16. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên Bản điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

ĐHCĐ thống nhất sửa đổi khoản 1 Điều 5 Điều lệ Công ty cho phù hợp với vốn điều lệ mới sau khi phát hành tăng vốn điều lệ. ĐHCĐ ủy quyền HĐQT điều chỉnh, phát hành điều lệ sửa đổi và đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

17. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung tại trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX): Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM theo quy định pháp luật hiện hành.

18. Ủy quyền HĐQT:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.
- Thực hiện báo cáo và hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCK.

- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

NGUYỄN TRIỆU DŨNG



Số: _01_/TTr.HDQT/PVCL.15

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
(Về việc thông qua Báo cáo Tài chính năm 2014
và Báo cáo Tài chính Quý 1 năm 2015 đã được kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) với ý kiến của Kiểm toán viên: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website Công ty: www.pvcl.com.vn, bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên
2. Bản cân đối kế toán năm 2014
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

Một số chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính

Tổng giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2014 là 551.210.257.158 đồng tăng 19,48% so với đầu năm 2014 là 531.735.180.148 đồng.

Tổng doanh thu thuần đạt 36.922.721.700 đồng giảm 17,56% so với tổng doanh thu thuần năm 2013 (44.792.193.956 đồng). Tổng lợi nhuận sau thuế của công ty là 2.192.979.433 đồng tăng 5,32% so với lợi nhuận thực hiện năm 2013 (đạt 2.123.653.332 đồng).

Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tại thời điểm 31/12/2014 là: 18.119.070.731 đồng.

Chi tiết đính kèm trong tài liệu đại hội

Kính thưa Quý cổ đông.

Theo báo cáo tài chính năm 2014, vốn điều lệ của Cty CPĐT & PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long là 250 tỷ đồng chiếm 45,35% tổng tài sản. So với tổng giá dự toán đầu tư của toàn dự án khu đô thị 5A là 2.400 tỷ. Mức vốn này chưa tương xứng với tiềm lực phát triển công ty. Thêm vào đó, với kế hoạch triển khai kết thúc nhanh dự án để tăng tính hiệu quả dự án. Công ty cần một lượng vốn lớn để bổ sung nguồn vốn đầu tư vào dự án và từ đó góp phần mang lợi nhuận cho công ty và gia tăng giá trị cổ phiếu cho các cổ đông.

Trong bối cảnh kinh tế đang khó khăn hiện nay, tình hình doanh thu Công ty các năm qua không đạt kế hoạch, chính sách thắt chặt tín dụng các năm qua ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động vốn từ các tổ chức tín dụng. Dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng là 106.998.013.506 đồng 47,77% chiếm tổng dư nợ vay, Dư nợ huy động vốn từ cá nhân bên ngoài là: 116.969.474.000 đồng chiếm 52,23%. Áp lực trả lãi đối với Công ty là rất lớn. Để giảm áp lực tài chính, Hội đồng quản trị công ty đưa ra giải pháp là phát hành cổ phiếu để cân trừ công nợ với chủ nợ nhằm huy động vốn chủ sở hữu, tái cấu trúc nguồn vốn, giảm nợ vay, giảm chi phí lãi vay lành mạnh hóa tình hình tài chính. Đây là bước tiên phong trong phương án tái cấu trúc hoạt động của công ty, tạo nền tảng tài chính bền vững hơn, giúp giảm thiểu rủi ro thanh toán.

Để thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cân trừ nợ, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính quý 1/2015 đã được kiểm toán bởi cty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam, với ý kiến của Kiểm toán viên chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính quý 1/2015 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website Công ty: www.pvcl.com.vn, bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên
2. Bản cân đối kế toán quý 1/2015
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1/2015
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

Một số chỉ tiêu cơ bản nguồn vốn

Chỉ tiêu	Giá trị	DVT: đồng
		Tỷ lệ/vốn góp chủ sở hữu
1. Vay ngắn hạn và dài hạn	223.967.487.506	89,58%
Trong đó - Vay tổ chức tín dụng	106.998.013.506	42,79%
- Vay cá nhân bên ngoài	116.969.474.000	46,78%
2. Nợ ngắn hạn và dài hạn khác	53.298.836.520	21,31%
3. Vốn góp của chủ sở hữu	250.000.000.000	
4. Quỹ đầu tư phát triển	9,358,141,083	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18,523,670,057	

Chi tiết đính kèm trong tài liệu đại hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐƯỢC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCs)

Số: 122/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính năm 2014
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long

Kính gửi:

- Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long
- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long được lập ngày 02/03/2015 từ trang 8 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Kim Ngọc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0181-2013-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0424-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
PHÂN TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		480.515.435.660	450.065.058.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	389.211.506	384.012.689
1. Tiền	111		389.211.506	384.012.689
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.351.058.166	54.003.524.995
1. Phải thu của khách hàng	131		27.694.771.068	29.015.647.744
2. Trả trước cho người bán	132		29.769.287.098	24.987.877.251
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2	1.887.000.000	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	3	420.658.196.588	394.467.557.523
1. Hàng tồn kho	141		420.658.196.588	394.467.557.523
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		116.969.400	1.209.963.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.209.963.352
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4	116.969.400	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		70.694.821.498	81.670.121.590
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.415.174.093	37.383.415.266
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		9.415.174.093	37.383.415.266
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
II. Tài sản cố định	220		14.742.488.447	15.850.654.031
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	12.457.484.268	13.554.440.448
- Nguyên giá	222		15.791.026.628	16.545.023.621
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.333.542.360)	(2.990.583.173)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	3.773.637	14.983.041
- Nguyên giá	228		56.047.000	56.047.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(52.273.363)	(41.063.959)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	2.281.230.542	2.281.230.542
III. Bất động sản đầu tư	240	8	27.922.158.958	28.436.052.293
- Nguyên giá	241		30.835.063.180	30.126.187.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(2.912.904.222)	(1.690.134.834)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	18.615.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251	9.1	18.615.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			551.210.257.158	531.735.180.149

31/12/2014
CÔNG TY
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG
PHẦN A
PHẦN NA
PP. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
PHẦN NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		273.783.620.260	256.282.224.742
I. Nợ ngắn hạn	310		138.277.256.888	134.823.764.883
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	81.230.013.506	83.450.529.665
2. Phải trả cho người bán	312		6.755.556.492	5.928.438.207
3. Người mua trả tiền trước	313		21.900.500.000	26.748.687.061
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	9.424.656.885	8.721.944.549
5. Phải trả người lao động	315		296.400.000	296.400.000
6. Chi phí phải trả	316	12	10.959.377.348	4.467.138.273
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	3.269.240.787	988.413.200
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	15.3	4.441.511.870	4.222.213.928
II. Nợ dài hạn	330		135.506.363.372	121.458.459.859
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	135.506.363.372	117.928.618.192
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			3.529.841.667
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)	400		277.426.636.898	275.452.955.407
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	277.426.636.898	275.452.955.407
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.348.931.869	6.129.633.927
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.958.634.298	2.958.634.298
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.119.070.731	16.364.687.182
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			551.210.257.158	531.735.180.149

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

TP.Sóc Trăng, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Kế toán trưởng

Bùi Thị Kim Ngân

Giám đốc



Nguyễn Triệu Đông



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2014	NĂM 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	37.145.883.730	45.602.038.218
2. Các khoản giảm trừ	03		223.162.030	809.844.262
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		36.922.721.700	44.792.193.956
4. Giá vốn hàng bán	11	19	30.008.560.328	38.172.185.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.914.161.372	6.620.008.587
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.203.862.596	311.038.440
7. Chi phí tài chính	22	20	2.203.862.596	311.038.440
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.203.862.596	311.038.440
8. Chi phí bán hàng	24	21	182.988.394	299.511.317
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	3.897.082.711	3.666.165.540
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.834.090.267	2.654.331.730
11. Thu nhập khác	31	18	209.090.909	345.454.545
12. Chi phí khác	32	23	326.135.620	419.930.466
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(117.044.711)	(74.475.921)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.717.045.556	2.579.855.809
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	524.066.123	456.202.477
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.192.979.433	2.123.653.332
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	88	85



Tp.Sóc Trăng, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Bùi Thị Kim Ngân

Nguyễn Triệu Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	TM	NĂM 2014	NĂM 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.331.675.095	47.843.696.219
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(20.349.284.368)	(23.733.514.922)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.868.037.690)	(5.991.426.648)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(27.789.018.547)	(18.294.202.117)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(606.175.347)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		89.204.547.737	47.067.717.858
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(41.872.364.357)	(25.017.246.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.657.517.870	21.268.848.266
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		136.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(60.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	60.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		540.629.796	311.038.557
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		676.993.432	311.038.557
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39.492.598.251	47.644.396.118
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(80.821.910.736)	(69.995.360.951)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.329.312.485)	(22.350.964.833)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.198.817	(771.078.010)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		384.012.689	1.155.090.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		389.211.506	384.012.689

TP.Sóc Trăng, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Kế toán trưởng

Bùi Thị Kim Ngân

Giám đốc

Nguyễn Triệu Đông

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2015 ĐƯỢC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số : 409/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính quý 1 năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long

Kính gửi:

- Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long
- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long được lập ngày 18/05/2015 từ trang 8 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kế toán kết thúc vào ngày trên và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Tp Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh

Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0848-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.597.460.352	205.343.923.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	197.446.521	389.211.506
1. Tiền	111		197.446.521	389.211.506
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.350.943.512	59.351.058.166
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.1	29.871.535.070	27.694.771.068
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.236.726.819	29.769.287.098
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.1	3.242.681.623	1.887.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	6	142.968.246.619	145.486.684.804
1. Hàng tồn kho	141		142.968.246.619	145.486.684.804
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		80.823.700	116.969.400
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	11.1	80.823.700	116.969.400
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		377.550.674.814	345.866.333.282
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.484.666.807	9.415.174.093
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	3.2	8.813.046.907	9.415.174.093
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		26.671.619.900	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		12.278.677.068	12.461.257.905
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	12.277.705.782	12.457.484.268
- Nguyên giá	222		15.791.026.628	15.791.026.628
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.513.320.846)	(3.333.542.360)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	971.286	3.773.637
- Nguyên giá	228		56.047.000	56.047.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(55.075.714)	(52.273.363)
III. Bất động sản đầu tư	230	10	27.755.815.243	27.922.158.958
- Nguyên giá	231		30.835.063.180	30.835.063.180
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(3.079.247.937)	(2.912.904.222)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	7	283.416.515.696	277.452.742.326
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		281.135.285.154	275.171.511.784
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.281.230.542	2.281.230.542
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.615.000.000	18.615.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	2.3.1	18.615.000.000	18.615.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		555.148.135.166	551.210.257.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		277.266.324.026	273.783.620.260
I. Nợ ngắn hạn	310		103.172.478.243	127.317.879.540
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13.1	2.809.924.370	6.755.556.492
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.402.320.000	21.900.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	10.221.988.470	9.424.656.885
4. Phải trả người lao động	314		861.046.524	296.400.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	16.1	3.262.098.587	3.269.240.787
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12.1	80.123.013.506	81.230.013.506
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	17.6	4.492.086.786	4.441.511.870
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		174.093.845.783	146.465.740.720
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.539.000.000	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	15.2	8.710.371.783	10.959.377.348
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12.2	143.844.474.000	135.506.363.372
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		277.881.811.140	277.426.636.898
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	277.881.811.140	277.426.636.898
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ(*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	17.6	9.358.141.083	9.307.566.167
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.523.670.057	18.119.070.731
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.119.070.731	16.364.687.182
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		404.599.326	1.754.383.549
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		555.148.135.166	551.210.257.158

Lập, ngày 18 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu



Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Kế toán trưởng



Bùi Thị Kim Ngân

Giám đốc




Nguyễn Triệu Đông

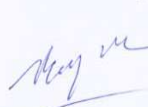
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 1 NĂM 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý 1	
			Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
			Năm nay	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	9.201.435.706	9.201.435.706
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2	272.206.889	272.206.889
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.929.228.817	8.929.228.817
4. Giá vốn hàng bán	11	3	7.155.310.068	7.155.310.068
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.773.918.749	1.773.918.749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	126.813.860	126.813.860
7. Chi phí tài chính	22	5	126.813.860	126.813.860
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		126.813.860	126.813.860
8. Chi phí bán hàng	25	6.1	20.267.545	20.267.545
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.2	1.105.254.848	1.105.254.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		648.396.356	648.396.356
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		648.396.356	648.396.356
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8	142.647.198	142.647.198
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		505.749.158	505.749.158
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	9	20,23	20,23
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập biểu


Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Kế toán trưởng


Bùi Thị Kim Ngân

Lập, ngày 18 tháng 05 năm 2015

Giám đốc




Nguyễn Triệu Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ 1 NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến
			cuối quý này
			Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		9.989.275.334
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.639.650.337)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(648.239.120)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(8.755.129.743)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		450.530.600
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.946.476.207)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.549.689.473)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		126.813.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		126.813.860
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	121.777.274.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(114.546.163.372)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.231.110.628
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(191.764.985)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		389.211.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ(70= 50+60+61)	70		197.446.521

Lập, ngày 18 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu



Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Kế toán trưởng



Bùi Thị Kim Ngân

Giám đốc




BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

12.1. Vay ngắn hạn

	Số cuối quý		Số trong quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Sóc Trăng	49.000.000.000	-	1.189.000.000	2.189.000.000	50.000.000.000	-
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	22.998.013.506	-	618.000.000	650.000.000	23.030.013.506	-
- Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL - CN Sóc Trăng	7.000.000.000	-	4.564.000.000	4.564.000.000	7.000.000.000	-
- Nguyễn Kim Hồng Đào	125.000.000	-	-	75.000.000	200.000.000	-
- Trương Nguyễn Phụcng Vỹ	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	-
Tổng cộng	80.123.013.506	-	6.371.000.000	7.478.000.000	81.230.013.506	-

Ghi chú:

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng (Phụ lục HĐ)	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối quý	Hình thức đảm bảo khoản vay
722/HĐTD	18/04/2014	12 tháng	50.000.000.000	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	49.000.000.000	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
Cộng					49.000.000.000	

12/03/2015
TỶ
Ư VAI
E TO
100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 NĂM 2015

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối quý	Hình thức đảm bảo khoản vay
613/NHNT.ST	30/09/2014	12 tháng	25.000.000.000	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	22.998.013.506	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
Cộng					22.998.013.506	

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối quý	Hình thức đảm bảo khoản vay
0044.10/HĐTD	14/04/2010	12 tháng	9.500.000.000	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	7.000.000.000	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
Cộng					7.000.000.000	

12.2. Vay dài hạn

	Số cuối quý		Số trong quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng	28.000.000.000	-	-	-	28.000.000.000	-
+ Ngân hàng PVcombank CN Cần Thơ	28.000.000.000	-	-	-	28.000.000.000	-
- Vay đối tượng khác	115.844.474.000	-	115.406.274.000	107.068.163.372	107.506.363.372	-
+ Nguyễn Văn Thành	500.000.000	-	-	-	500.000.000	-
+ Nguyễn Thị Xi	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
+ Nguyễn Thị Thanh Thủy	-	-	-	14.722.752.069	14.722.752.069	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 NĂM 2015

+ Huỳnh Minh Quân	42.000.000.000	-	42.000.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Thái Nguyên	27.500.000.000	-	27.500.000.000	-	-	-
+ Dương Ngọc Đức	338.400.000	-	-	10.800.000	349.200.000	-
+ Nguyễn Ngọc Trâm	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-	-	-
+ Trương Nguyễn Phương Vy	22.326.274.000	-	22.726.274.000	62.334.411.303	61.934.411.303	-
+ Huỳnh Thị Sinh	179.800.000	-	180.000.000	200.000	-	-
Tổng cộng	143.844.474.000	-	115.406.274.000	107.068.163.372	135.506.363.372	-

Ghi chú:

+ Số dư khoản vay dài hạn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối quý	Hình thức đảm bảo khoản vay
20/2009/HĐTDTH-TC DK-CNCT và Phụ lục HĐTD số: 07PL/20/2009HĐTDTH-PVB- CNCT ngày 04/10/2013	30/10/2009	48 tháng	100.000.000.000	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	28.000.000.000	
Cộng					28.000.000.000	

Kính thưa Đại hội,

Hội đồng quản trị đã trình báo cáo tài chính năm 2014 và quý 1/2015 đã được kiểm toán.
Kính trình Đại hội và xin ý kiến đóng góp của quý cổ đông thông qua.

Xin trân trọng kính chào!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

NGUYỄN TRIỆU DŨNG



Số: _01_/TTr.HDQT/PVCL.15

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

*(Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015)*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH.11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.
- Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) ngày 19/03/2015.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2014:

KHOẢN MỤC	SỐ TIỀN (VNĐ)
Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014	2.192.979.433
Tổng trích lập các quỹ năm 2014	438.595.884
- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển 10%	219.297.942
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi 10%	219.297.942
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ năm 2014	1.754.383.549
Lợi nhuận sau thuế các năm trước chưa phân phối hết	16.364.687.182
Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế còn lại để chi trả cổ tức	18.119.070.731
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2014	250.000.000.000
- Chi trả cổ tức (bằng phát hành cổ phiếu)	12.500.000.000
Lợi nhuận còn lại sau phân phối các quỹ và chi trả cổ tức	5.619.070.731

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2014 đã được kiểm toán, tổng lợi nhuận sau thuế của năm 2014 sau khi trích lập các quỹ theo quy định còn lại **1.754.383.549** đồng; tính lũy kế số lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm 2014 là **18.119.070.731** đồng. Công ty đề nghị chi trả cổ tức số lợi nhuận lũy kế này bằng hình thức phát hành cổ phiếu 5% /vốn điều lệ 12.500.000.000 đồng. Số tiền lợi nhuận chưa phân phối còn lại là 5.619.070.731 đồng sẽ cộng dồn vào lợi nhuận chưa phân phối năm 2015.

II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2015:

KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH
- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	10%/lợi nhuận sau thuế
- Trích lập quỹ khen thưởng	5%/lợi nhuận sau thuế
- Trích lập quỹ phúc lợi	5%/lợi nhuận sau thuế
- Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức	10%/vốn điều lệ

Kính trình Đại hội xem xét và phê chuẩn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

NGUYỄN TRIỆU DŨNG



Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
*(Về việc Thông qua Phương án phát hành
cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ)*

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long;
- Và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ của Công ty với nội dung như sau:

1. Mục đích phát hành

Đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ này nhằm mục đích hoán đổi các khoản nợ (cần trừ công nợ) của các chủ nợ đã cho Công ty vay. Đồng thời, giúp các chủ nợ của Công ty có thể chuyển hình thức đầu tư bằng cách sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (CCL) và gắn bó lâu dài đối với Công ty.

2. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

- + Vốn điều lệ trước phát hành: 250.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tỷ đồng*)
- + Số vốn điều lệ dự kiến tăng: 144.531.250.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn tỷ năm trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*)
- + Vốn điều lệ sau khi phát hành: 394.531.250.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn tỷ năm trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*)

3. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long

4. **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông

5. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu

6. **Tổng số cổ phiếu:** 25.000.000 cổ phiếu

7. **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 25.000.000 cổ phiếu

8. **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phần

9. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa:** 14.453.125 cổ phiếu

10. **Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:** 144.531.250.000 đồng

11. **Phương thức phát hành:** phát hành riêng lẻ

12. Tiêu chí xác định đối tượng phát hành

Là tổ chức và cá nhân có tiềm năng về tài chính vững mạnh mà Hội đồng quản trị của Công ty xét thấy có thể đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh và mang lại lợi ích cho Công ty. Đồng thời, tổ chức và cá nhân đó đang là chủ nợ của Công ty và có nhu cầu hoán đổi các khoản nợ của Công ty sang hình thức đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

13. **Phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi :** được đính kèm theo Phương án.

14. Phương án làm tròn và xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh:

Khi hoán đổi khoản nợ thành cổ phiếu, số cổ phiếu được hoán đổi sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ sẽ tự động xóa bỏ.

15. Đối tượng phát hành (*Danh sách các chủ nợ và khoản nợ của từng chủ nợ được hoán đổi theo phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi*)

Căn cứ vào công nợ giữa Công ty và các Chủ nợ đến thời điểm 31/03/2015 (theo Báo cáo tài chính Quý I năm 2015 đã kiểm toán). Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long dự kiến thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ cụ thể như sau:

Stt	Nhà đầu tư	Số dư nợ tại 31/03/2015 (đồng)	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành theo tỷ lệ hoán đổi	Giá trị theo mệnh giá (đồng)
1	HUỲNH MINH QUÂN	42.000.000.000	6.562.500	65.625.000.000
2	NGUYỄN THÁI NGUYỄN	27.500.000.000	4.296.875	42.968.750.000
3	NGUYỄN NGỌC TRÂM	23.000.000.000	3.593.750	35.937.500.000
Tổng cộng		92.500.000.000	14.453.125	144.531.250.000

16. Hạn chế chuyển nhượng: hạn chế chuyển nhượng một (01) năm kể từ khi kết thúc đợt phát hành.

17. Phương thức phân phối: tổ chức phát hành phân phối trực tiếp cho nhà đầu tư

18. Thời gian phân phối: sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đợt phát hành

19. Thời gian chào bán: Từ Quý 2/2015 đến Quý 4/2015

20. Các quyền lợi của nhà đầu tư sau khi đã hoán đổi các khoản nợ

- Quyền hưởng cổ tức: các nhà đầu tư trên sẽ được hưởng cổ tức hoặc cổ phiếu được chia (nếu có) và số cổ tức này sẽ được hưởng đầy đủ các quyền lợi của cổ phiếu phổ thông với điều kiện số cổ tức này sẽ được lưu giữ tại trung tâm lưu ký chứng khoán và sẽ chuyển cho các nhà đầu tư vào ngày mà Công ty tiến hành thực hiện quyền chia cổ tức.
- Quyền lưu ký: các nhà đầu tư được phép lưu ký toàn bộ số lượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật.
- Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư cổ phần CCL: tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

21. Phương án xử lý cổ phần chưa phát hành hết (nếu có): Số lượng cổ phần chưa phát hành hết theo dự kiến, sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT quyết định.

22. Thời gian dự kiến phát hành: Quý 2/2015 đến Quý 4/2015

23. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên Bản điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Sóc Trăng sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

ĐHĐCĐ thống nhất sửa đổi khoản 1 Điều 5 Điều lệ Công ty cho phù hợp với vốn điều lệ mới sau khi phát hành tăng vốn điều lệ. ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT điều chỉnh, phát hành điều lệ sửa đổi và đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

24. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung tại trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX): Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM theo quy định pháp luật hiện hành.

25. Nguyên tắc thỏa thuận

Phê duyệt việc ký kết *Văn bản chấp thuận việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi khoản nợ giữa chủ nợ và CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.*

26. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.
- Thực hiện báo cáo và hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCK.
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

NGUYỄN TRIỆU DŨNG



Số: _03_/TTr.HĐQT/PVCL.15

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

TỜ TRÌNH

*Mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2014
và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015*

-----0000000-----

Kính thưa: Quý đại biểu Cổ đông!

- Căn cứ Điều lệ Công ty qui định về việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty;

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 về việc chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2014 và đề xuất kế hoạch chi trả thù lao năm 2015, như sau:

I. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS, cụ thể:

1. Hội đồng quản trị:

Thời gian	Hội đồng quản trị có	Thù lao năm 2014 (đ)
Từ 01/01/2014-31/12/2014	1 Chủ tịch + 4 Thành viên	456.000.000

2. Ban Kiểm soát:

Thời gian	Ban Kiểm soát có	Thù lao năm 2014 (đ)
Từ 01/01/2014-31/12/2014	1 Trưởng ban + 2 Thành viên	180.000.000

Như vậy, tổng số tiền Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2014 là **636.000.000** đồng (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

II. Kế hoạch chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2015:

STT	Chức danh	Mức thù lao đồng/tháng
1	Hội đồng quản trị	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị	10.000.000
	Thành viên Hội đồng quản trị	7.000.000
2	Ban kiểm soát	
	Trưởng Ban kiểm soát	7.000.000
	Thành viên Ban kiểm soát	4.000.000

Dự kiến Quỹ thù lao của HĐQT, BKS kiêm nhiệm năm 2015:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Thời gian hưởng thù lao	Số người	Tổng mức thù lao tháng	Tổng mức thù lao năm
I	Hội đồng quản trị		5		
1	Chủ tịch HĐQT	12 tháng	1	10.000.000	120.000.000
2	Thành viên HĐQT	12 tháng	4	28.000.000	336.000.000
II	Ban kiểm soát		3		
1	Trưởng Ban kiểm soát	12 tháng	1	7.000.000	84.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	12 tháng	2	8.000.000	96.000.000
				53.000.000	636.000.000
Tổng cộng					

Như vậy, số tiền thù lao chi trả cho HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty, dự kiến mỗi tháng là **53.000.000 đồng**, tổng mức chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2015 là **636.000.000 đồng**, xin ý kiến biểu quyết của Đại hội.

Kính trình Đại hội xem xét và phê chuẩn.

Xin trân trọng kính chào!

TM. Hội đồng Quản trị Công ty
Chủ tịch

(Đã ký)

NGUYỄN TRIỆU DŨNG



Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

Số: 04 /TTr-BKS-PVCL.15

TỜ TRÌNH

V/v chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

Căn cứ Điều 47 chương XVI Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, hằng năm chỉ định một công ty kiểm toán kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty nhằm hạn chế rủi ro cho Công ty.

Để lựa chọn và chỉ định đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2015, nhằm tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập với điều kiện hợp lý nhất.

Dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, nguồn lực và chi phí, Ban kiểm soát Công ty xét thấy các công ty kiểm toán độc lập hoạt động tại Việt nam đủ điều kiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015, cụ thể là một trong các công ty như sau:

- Công ty kiểm toán BDO Việt nam;
- Công ty kiểm toán và dịch vụ tin học TPHCM (AISC);
- Công ty TNHH dịch vụ tư vấn kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS)
- Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).

Kính trình Đại hội thông qua.

**TM. Ban Kiểm soát
Trưởng Ban**

(Đã ký)

DƯƠNG NGỌC ĐỨC



Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

Số: 05 /TTr-HĐQT/PVCL.

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ công ty

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long ;
- Căn cứ nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 ngày 30/5/2015 vừa thông qua về việc tăng 5% vốn điều lệ công ty từ việc chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu.
- Căn cứ nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 ngày 30/5/2015 vừa thông qua về việc tăng vốn điều lệ khi phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua một số nội dung chỉnh sửa, thay đổi trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, như sau:

1/. Thay đổi tăng vốn điều lệ Công ty theo nội dung Tờ trình 05 về việc phân phối lợi nhuận, tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức 5% và Tờ trình 06 về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ.

2/- Sửa đổi các khoản 1 và 2 điều 18: “Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông” cho đúng theo Luật doanh nghiệp 2014, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3/- Sửa đổi các khoản 1 và 2 điều 20: “Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông” cho đúng theo Luật doanh nghiệp 2014, bao gồm:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, bao gồm:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

đ) Dự án đầu tư, mua hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và (hoặc) của các chi nhánh Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;

e) Tổ chức lại hoặc giải thể công ty;

2. Các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất **51% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4/- Sửa đổi các khoản 4, khoản 8 điều 21: “Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....” cho đúng theo Luật doanh nghiệp 2014, bao gồm:

4. *Phiếu lấy ý kiến..... cổ đông là tổ chức.*

- *Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty.....đã bị mở đầu không hợp lệ.*

Nếu trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày các cổ đông nhận được phiếu lấy ý kiến (có xác nhận của Bưu điện hoặc hình thức xác nhận khác), mà Công ty không nhận được ý kiến phản hồi, thì được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

8. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm:

a) *Liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sát nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh sẽ chỉ được thông qua khi có từ **65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết;***

b) *Các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất **51% tổng số phiếu biểu quyết** tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản a Điều này.*

c) *Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.*

5/- Chính sửa khoản 1 điều 52: “Ngày hiệu lực” với nội dung như sau:

1. *Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long nhất trí thông qua ngày 30/5/2015 tại Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.*

+ ***Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2015, riêng các khoản 1, 2 điều 18; các khoản 1, 2 điều 20; các khoản 4, 8 điều 21, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.***

Kính trình các cổ đông xem xét, tham gia ý kiến để thông qua.

TM. Hội đồng quản trị Công ty

Chủ tịch

(Đã ký)

NGUYỄN TRIỆU DŨNG

Ghi chú: *Chính sửa các nội dung được tô đậm*



Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2015

Số: 06 /TTr-HĐQT/PVCL15

TỜ TRÌNH

Về việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH.11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Căn cứ khoản 1, điều 26 Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Dầu khí Cửu long, trong năm 2015 và các năm tiếp theo trong nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị (2012- 2016), nhưng Hội đồng Quản trị vẫn phải lập tờ trình để Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

NGUYỄN TRIỆU DŨNG